

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 5 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Quảng Văn Tiễn.
2. Bà Phạm Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Điệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, Sơn La.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa:
Ông Sộng Nỗ Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 58/2024/TLST – HNGĐ, ngày 02/01/2024 về việc: Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXX - HNGĐ ngày 28/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐST – HNGĐ ngày 17/4/2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Giàng B, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Bản T, xã S, huyện C, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Chị Vàng Thị D, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Bản G, xã Y, huyện X, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 25/12/2023 và các tài liệu thể hiện lời khai nguyên đơn anh Giàng B trình bày: Anh và chị Vàng Thị D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Sơn La vào ngày 01/11/2017 và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn cả hai về sống chung với gia đình nhà anh B tại huyện C. Tuy nhiên, ngay sau khi kết hôn chỉ chung sống được một thời gian rất ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn, đến đầu năm 2018 thì chị D đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở bản G, xã Y, huyện X sống đến nay, không quan tâm gì đến anh B nữa.

Anh B thấy không còn tình cảm với chị D nữa, hôn nhân không thể tiếp tục duy trì được nên có đơn khởi kiện xin được ly hôn với chị Vàng Thị D.

Về con chung: Quá trình chung sống anh B và chị D có một người con chung là Giàng Xuân H1 - sinh ngày 01/05/2017. Khi ly hôn anh B đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành; không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con cùng.

Về tài sản chung, về nợ chung: Anh B khai giữa anh và chị D không có nợ chung, tài sản chung nên không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập chị Vàng Thị D hợp lệ nhiều lần theo đúng quy định nhưng chị D đều không có mặt để giải quyết việc ly hôn tại Tòa án, do vậy Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị D về yêu cầu giải quyết ly hôn của anh B đối với chị.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi chị D cư trú, kết quả: Chính quyền địa phương cho biết chị D là công dân sinh ra và lớn lên tại bản G, xã Y, huyện X, tỉnh Sơn La. Đến năm 2017 thì kết hôn với anh Giàng B. Sau khi kết hôn thì chị D theo chồng về sinh sống tại huyện C; tuy nhiên, chỉ một thời gian ngắn sau thì thấy chị D quay lại nhà bố mẹ đẻ ở bản G sống mà không đem theo chồng và con về. Tuy sống tại đây nhưng chị D có đi làm thuê tại địa phương khác thỉnh thoảng mới về nhà nhà bố mẹ đẻ, chính quyền bản cũng rất ít có cơ hội được gặp gỡ chị D. Hiện nay, trên dữ liệu dân cư quốc gia không thể hiện chị D đăng ký cư trú ở đâu, nhưng thực tế thì chị D vẫn sinh sống và cư trú cùng bố mẹ đẻ ở bản G, xã Y, huyện X, tỉnh Sơn La.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quá trình kiểm sát việc thụ lý giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc thụ lý xây dựng hồ sơ vụ án Tòa án huyện Sông Mã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử đều thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Chị D đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, Anh B đã có đơn xin được xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với chị D, Anh B là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Giàng B, xử cho anh B được ly hôn chị Vàng Thị D. Giao cho anh B được quyền nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là Giàng Xuân H1 - sinh ngày 01/05/2017 đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh B. Anh B khai không có nợ chung, tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên

không xem xét giải quyết trong vụ án này. Anh B được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về pháp luật tố tụng: Vụ án theo đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Giàng B đối với chị Vàng Thị D. Tuy chị D không có dữ liệu đăng ký cư trú trên hệ thống dữ liệu dân cư quốc gia nhưng trước đó chị D có đăng ký hộ khẩu cư trú tại huyện Sông Mã và sau khi ly thân với anh B thì chị D được chính quyền địa phương xác nhận là có trở về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại xã Y, huyện X, tỉnh Sơn La. Nên xác định trường hợp của chị D là cố tình giấu địa chỉ và xác định chị D có nơi cư trú cuối cùng là tại bản G, xã Y, huyện X, tỉnh Sơn La. Vì vậy, vụ án được Tòa án nhân dân huyện Sông Mã thụ lý và giải quyết là theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Sau khi anh B có đơn khởi kiện xin ly hôn Tòa án đã thụ lý và tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh B xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa; chị Vàng Thị D đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ theo đúng quy định nhưng chị D đều không có mặt nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Giàng B và chị Vàng Thị D chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Sơn La vào ngày 01/11/2017. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 xác định việc kết hôn là đúng theo các quy định của pháp luật, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa anh B và chị D đã kéo dài, cuộc sống chung không còn tồn tại. Anh B và chị D đã sống ly thân nhiều năm nay và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Chị Vàng Thị D không có mặt tại Tòa án để giải quyết việc ly hôn với anh Giàng B thể hiện ý chí tH1 trách nhiệm, không còn quan tâm đến cuộc sống chung của gia đình và không có hành động gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn đã kéo dài, tình cảm vợ chồng và cuộc sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc quyết định cho anh B ly hôn chị D là có căn cứ, phù hợp với Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống anh B và chị D có một con chung là Giàng Xuân H1 - sinh ngày 01/05/2017. Anh B có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con cùng. Kể từ khi anh B và chị D nảy sinh mâu thuẫn và sống ly thân đến nay thì anh B vẫn là trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị D về việc nuôi con chung. Do vậy, cần giao con chung cho anh B tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế. Khi anh B là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì chị D vẫn có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở này để là đúng với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh B khai nhận không có nợ chung, tài sản chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết, chị D không cho ý kiến gì. Do vậy, Tòa án không giải quyết trong vụ án này, khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được Tòa án giải quyết tại vụ án khác.

[5] Về án phí: Anh Giàng B là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin được miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định chung.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Giàng B đối với chị Vàng Thị D.

- Xử cho anh Giàng B được ly hôn chị Vàng Thị D.

- Giao con chung là Giàng Xuân H1 - sinh ngày 01/05/2017 cho anh Giàng B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Vàng Thị D không cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Giàng B và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh Giàng B được miễn án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Giàng B, chị Vàng Thị D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Quàng Văn Tiễn

Phạm Thị Thủy

Hoàng Thị Nhung

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Sông Mã;
- THADS huyện Sông Mã;
- Các đương sự;
- UBND xã S, huyện C, tỉnh Sơn La;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Hoàng Thị Nhung